

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Lệ

Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Khuất Duy Toàn - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thy Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 88/2026/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2026 về việc *“Tranh chấp ly hôn, nuôi con”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2026/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị T - sinh năm: 1981; địa chỉ: I L, phường H, thành phố Đà Nẵng; có mặt

- Bị đơn: Ông Trương Văn L - sinh năm: 1978; địa chỉ: tổ A, k145/3 N, phường H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn là bà Phan Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Trương Văn L tổ chức cưới nhau từ tháng 11/2003 đến năm 2006 mới làm thủ tục kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn chúng tôi sống tại phường H, thành phố Đà Nẵng.

Quá trình chung sống thì vợ chồng tôi xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, ông L không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên tụ tập bạn bè ăn nhậu về hành hạ vợ con. Từ năm 2019 chúng tôi đã sống ly thân, không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không có cuộc sống chung vợ chồng.

Tôi xác định tình cảm không còn, nên tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Trương Văn L.

- Về quan hệ con chung: Chúng tôi có 03 con chung tên Trương Thị Bảo C - sinh ngày 06/08/2004, Trương Thị Bảo L1 - sinh ngày 10/08/2006 và Trương Văn Gia B - sinh ngày 29/12/2017. Ly hôn, nguyên vọng của bà Phan Thị T là giao con Trương Văn Gia B cho bà trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu ông L thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Còn 2 cháu Trương Thị Bảo C và Trương Thị Bảo L1 đã lớn nên không yêu cầu Tòa xem xét.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn - ông Trương Văn L không hợp tác, không tham gia hòa giải, nên không có bản trình bày tại hồ sơ.

* *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng phát biểu ý kiến:*

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng.

+ Về người tham gia tố tụng:

- Đối với nguyên đơn: Chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 234 BLTTDS.

- Đối với bị đơn: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không tham gia tố tụng. Tại phiên tòa ngày hôm nay bị đơn vắng mặt lần thứ hai là chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS. Do vậy, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 227 BLTTDS, xét xử vắng mặt bị đơn.

+ Về nội dung: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Tranh chấp ly hôn giữa bà Phan Thị T và ông Trương Văn L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa lần thứ nhất ngày 22/4/2026 và cũng như phiên tòa hôm nay, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đối với bị đơn là ông Trương Văn L, nhưng ông L vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xử vắng mặt ông Trương Văn L.

[2]. Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị T đối với ông Trương Văn L, thì thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị T và ông Trương Văn L tổ chức lễ cưới nhau từ tháng 11/2003, đến năm 2006 mới làm thủ tục kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, Đà Nẵng (nay là phường H). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo bà Phan Thị T khai nhận thì quá trình chung sống, vợ chồng ông bà thường xuyên

xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông L thường xuyên bạo lực gia đình, đánh đập bà L nên tôi bỏ đi từ năm 2019 đến nay không sống chung với nhau, không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không có cuộc sống chung vợ chồng. Nay bà Phan Thị T xác định tình cảm không còn, đời sống chung vợ chồng đã thực sự trầm trọng không thể khắc phục được nên mong muốn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trương Văn L.

Phía ông Trương Văn L thì không hợp tác, không tham gia các phiên hòa giải.

HĐXX xét thấy: Quan hệ hôn nhân là trên tinh thần tự nguyện, cuộc sống vợ chồng là phải do các bên tự nguyện tạo lập, mục đích của hôn nhân là làm cho cuộc sống vui vẻ và hạnh phúc hơn. Việc bà Phan Thị T cho rằng nguyên nhân dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc là do ông Trương Văn L thường xuyên tụ tập ăn nhậu, hành hạ vợ con, không lo làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con, nên từ năm 2019 bà T đã dẫn 03 đứa con ra thuê nhà ở riêng cho đến nay, bà L xác định không còn tình cảm với ông Trương Văn L, nên mong muốn được ly hôn với ông L. Trong khi đó, ông Trương Văn L có thái độ không hợp tác, không tham gia các phiên hòa giải và tại phiên tòa, mặt dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng ông Trương Văn L vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, điều đó cho thấy ông Trương Văn L không tôn trọng Pháp luật và thiếu thiện chí trong việc hàn gắn cuộc hôn nhân của mình, chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà Phan Thị T và ông Trương Văn L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Phan Thị T được ly hôn với ông Trương Văn L, như đề nghị của đại diện VKS Khu vực 4 tại phiên tòa là phù hợp.

[2.2]. Về quan hệ nuôi con chung: Bà Phan Thị T khai nhận có 03 con chung tên Trương Thị Bảo C - sinh ngày 06/08/2004, Trương Thị Bảo L1 - sinh ngày 10/08/2006 và Trương Văn Gia B - sinh ngày 29/12/2017. Ly hôn, nguyện vọng của bà Phan Thị T là giao con Trương Văn Gia B cho bà trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu ông L thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Còn 2 cháu Trương Thị Bảo C và Trương Thị Bảo L1 đã lớn nên không yêu cầu Tòa xem xét.

HĐXX xét thấy, tại bản tự khai cháu Trương Văn Gia B - sinh ngày 29/12/2017 có nguyện vọng được ở với Mẹ, trong khi đó ông L không hợp tác, không trình bày nguyện vọng của mình về việc nuôi con chung. Do vậy không cần thiết phải thay đổi môi trường sống của cháu, căn cứ vào nguyện vọng của con, căn cứ vào Điều 81, 82 Luật HNGĐ, HĐXX giao con chung cháu Trương Văn Gia B cho bà Phan Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nên HĐXX không xét. Sau này các bên có tranh chấp thay đổi nuôi con, cấp dưỡng thì Tòa án sẽ giải quyết vụ án khác khi có yêu cầu.

[2.3]. Về tài sản chung: Bà Phan Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xét

[2.3]. Về nợ chung: Không có. Sau này, các bên đương sự có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[3]. Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Phan Thị T phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện v/v "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*" của bà Phan Thị T đối với ông Trương Văn L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phan Thị T, sinh năm: 1981 được ly hôn với ông Trương Văn L, sinh năm: 1978.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho bà Phan Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Trương Văn Gia B - sinh ngày 29/12/2017 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Trương Văn L không cấp dưỡng nuôi con chung. Các cháu Trương Thị Bảo C và Trương Thị Bảo L1 đã trưởng thành nên không xét.

Quyền và nghĩa vụ đối với con chung các bên đương sự được thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận

- Về nợ chung: Không có.

3. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) bà Phan Thị T phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ bà đã nộp tại Thi hành án dân sự Tp Đà Nẵng theo biên lai thu số 0001433 ngày 09 tháng 02 năm 2026.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND KV4;
- Phòng THA.DS KV4;
- UBND P.Hòa Khánh.
- Hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Văn Trình

